TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 219/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.
2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu P, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Công Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 633/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Trọng P, sinh năm 1985, cư trú: Số 31, đường số 01, tổ 18, khu phố 01, thị trấn V A, huyện V C, tỉnh Đ N.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1990, cư trú: Số 118, tổ 04, ấp B T, xã b m, huyện C P, tỉnh A G.

(Anh P có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lưu Trọng P trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V A, huyện V C, tỉnh Đ N vào năm 2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh Phúc. Đến cuối năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, do vợ đòi về nhà cha mẹ ruột sống nhưng ông không đồng ý. Do đó bà T đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không còn thương yêu và quan tâm nhau, nên ông có yêu cầu xin ly hôn với bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Trung Hiếu, sinh ngày 29/12/2014, hiện đang do bà T nuôi dưỡng. Ông P đồng ý giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn bà Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đều thực hiện tuân theo pháp luật trong tố tụng. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do là không tuân theo pháp luật tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu P nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Về con chung giao cho bà T tiếp tục nuôi dạy là hợp lý, về cấp dưỡng bà T không có ý kiến và yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hôn nhân và gia đình, cụ thể ông Lưu Trọng P yêu cầu xin ly hôn với bà Phạm Thị T, con chung tên Phạm Trung Hiếu, sinh ngày 29/12/2014 ông P xin giao cho bà T nuôi dưỡng, về tài sản chung và nợ chung ông P khai không có, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện về tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu P thụ lý giải quyết, do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên ông P làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn đúng quy định.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông P có mặt, bà T vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa ông Lưu Trọng P và bà Phạm Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, do vậy tại phiên tòa hôm nay, ông P yêu cầu xin ly hôn với bà T, bà T vắng mặt lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa ông P và bà T thật sự đã đổ vỡ, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và đã sống ly thân trên 05 năm nay, đều này thể hiện vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập bà T tham gia phiên hòa giải để vợ chồng

hàn gắn, nhưng bà vẫn cố tình vắng mặt, đều này thể hiện bà không muốn đoàn tụ gia đình, do vậy việc ông P xin ly hôn với bà T là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Trung Hiếu, sinh ngày 29/12/2014. Ông P đồng ý giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Hiếu đang sống ổn định với bà T nên Hội đồng xét xử xét giao cháu Hiếu cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là hợp lý.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà T không có ý kiến và yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông P khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Ông P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; số tiền án phí ông P phải chịu nói trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010416 ngày 26/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu P, ông P đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 233, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lưu Trọng P đối với bà Phạm Thị T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Trung Hiếu, sinh ngày 29/12/2014 cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông P khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Ông P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010416 ngày 26/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu P, ông P đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Ông P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu P;
- Chi cục THADS huyện Châu P;
- UBND thị trấn Vĩnh An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hậu